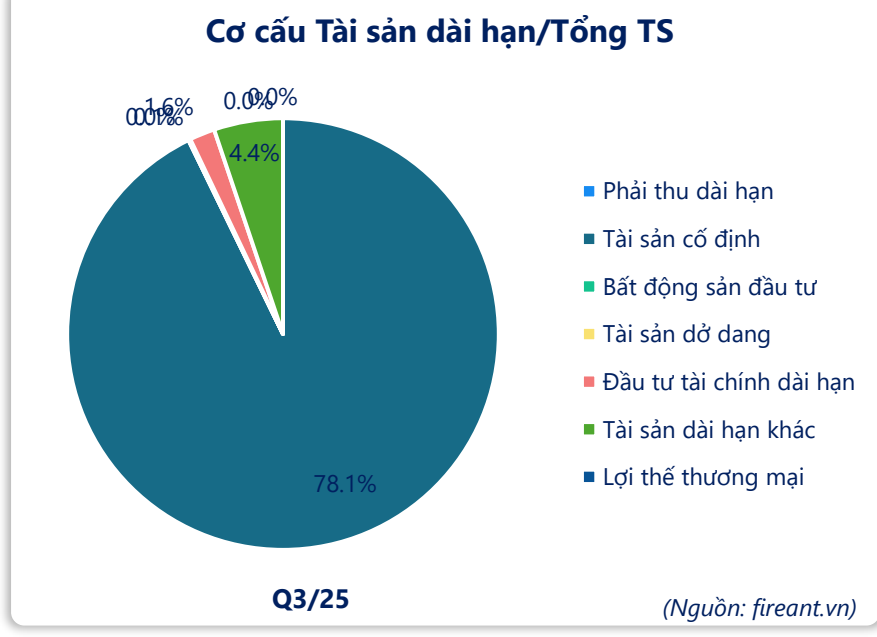
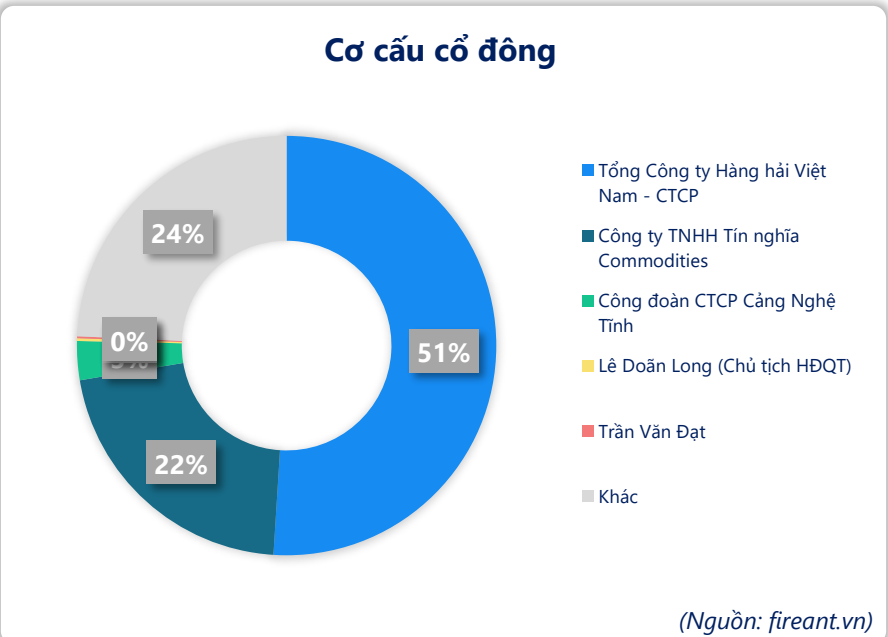
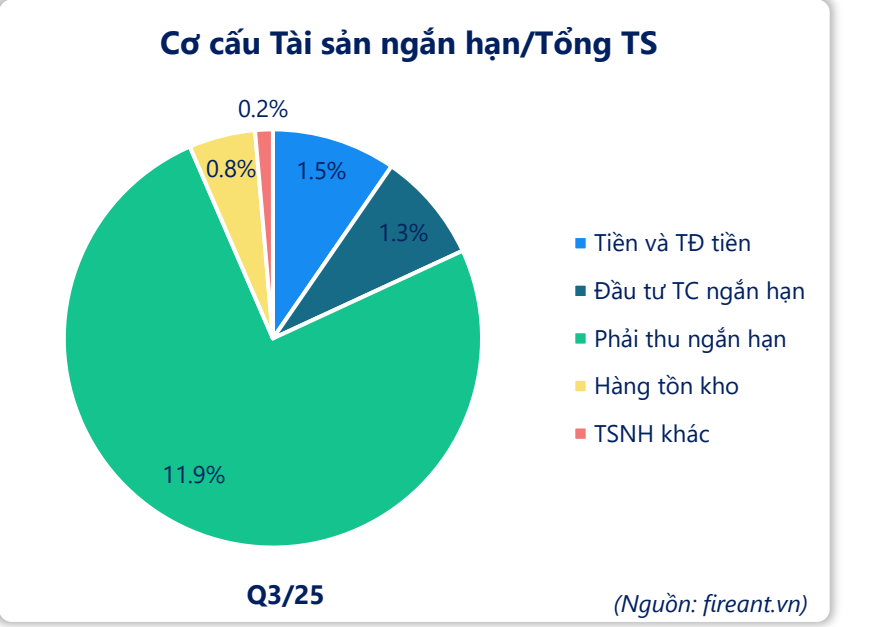
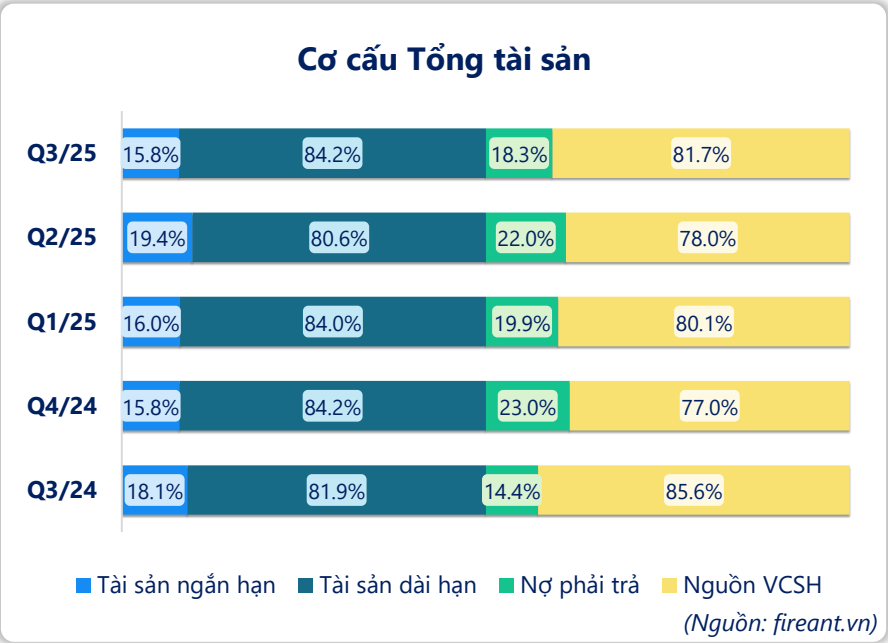
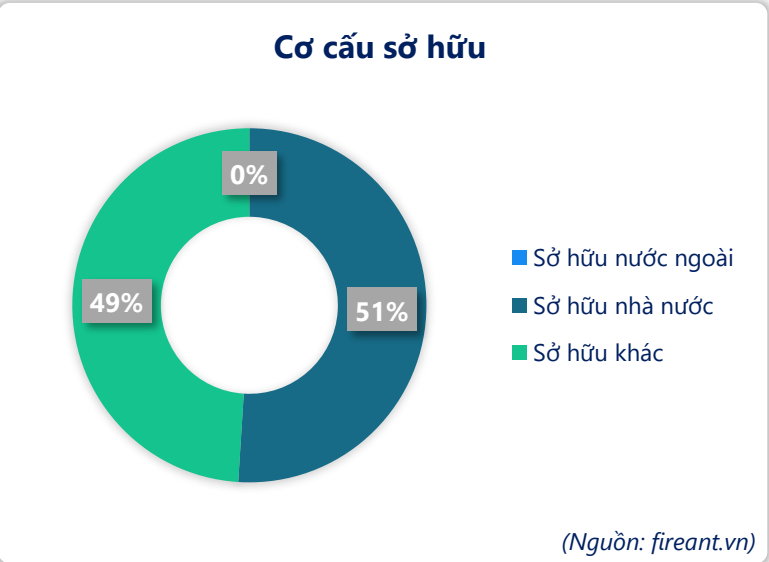
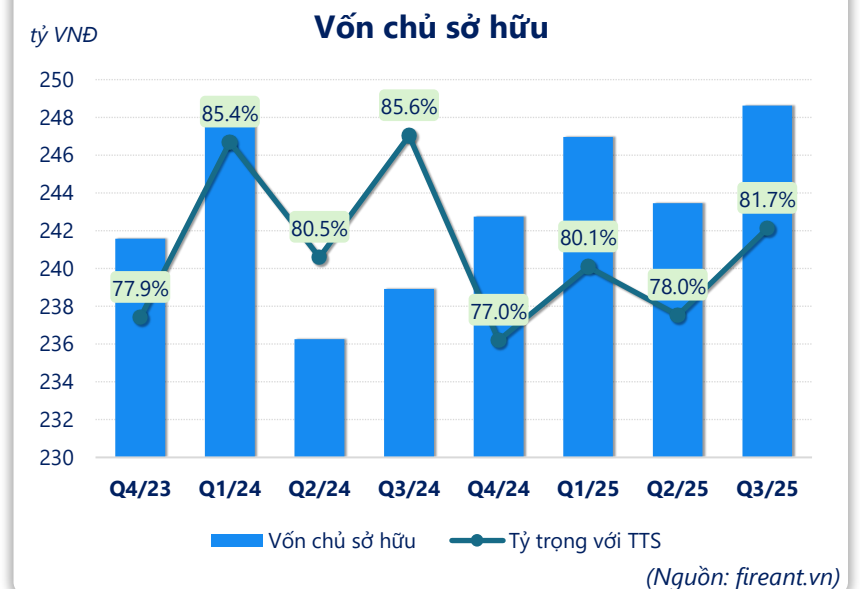
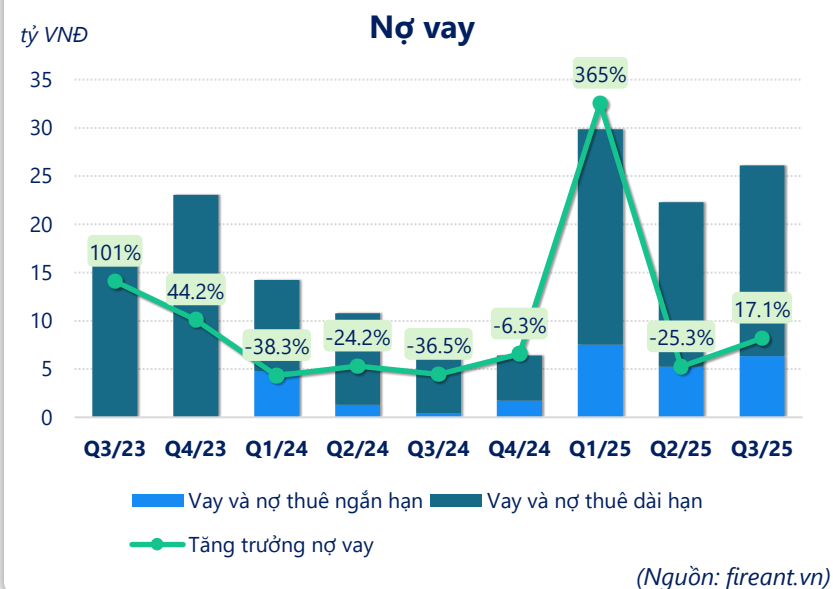
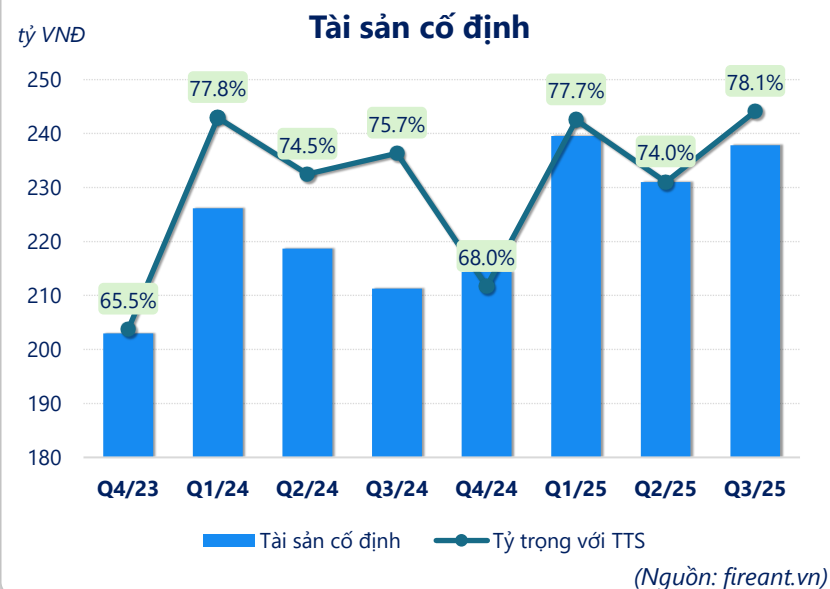
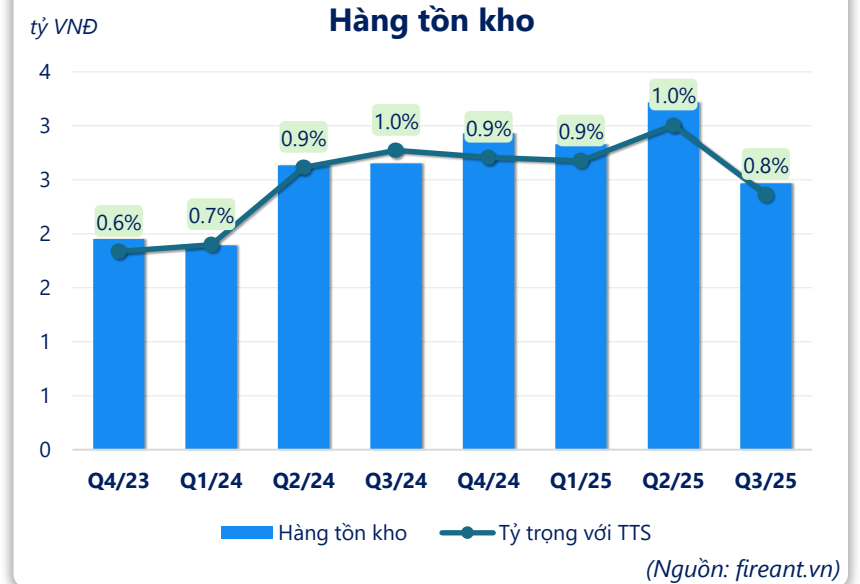
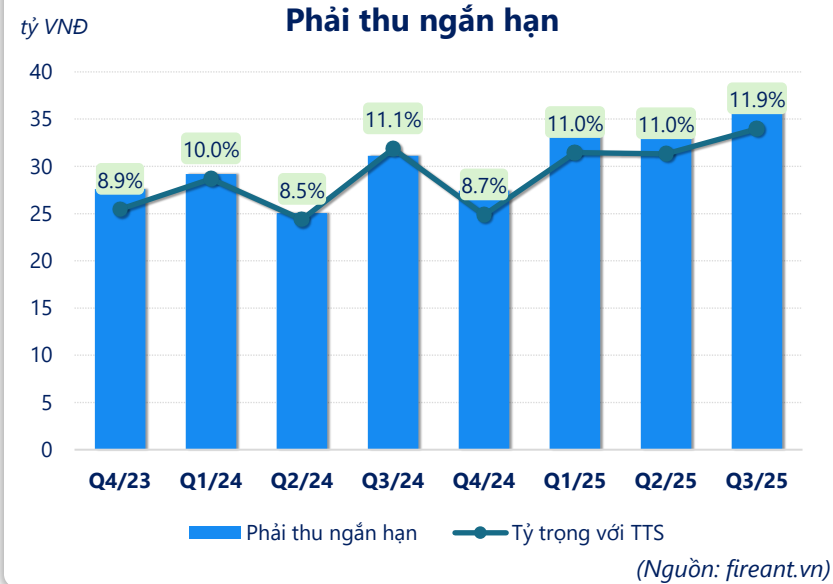
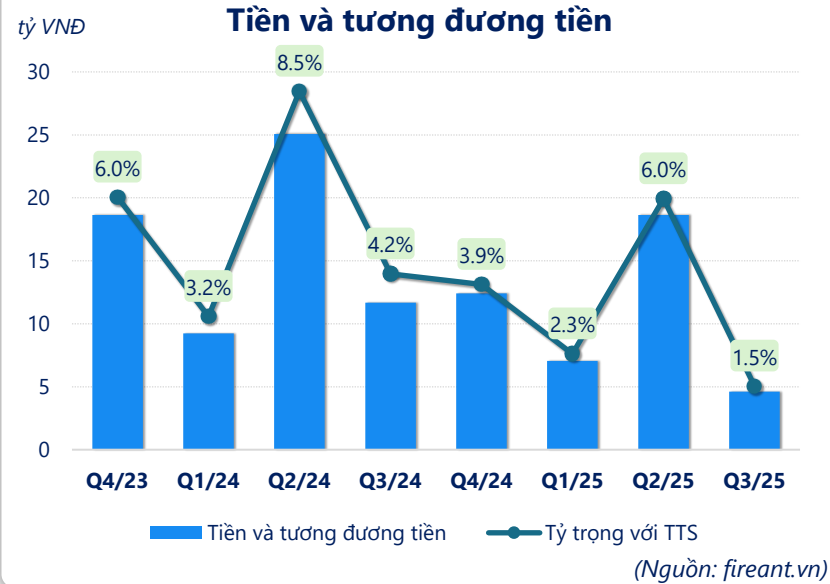
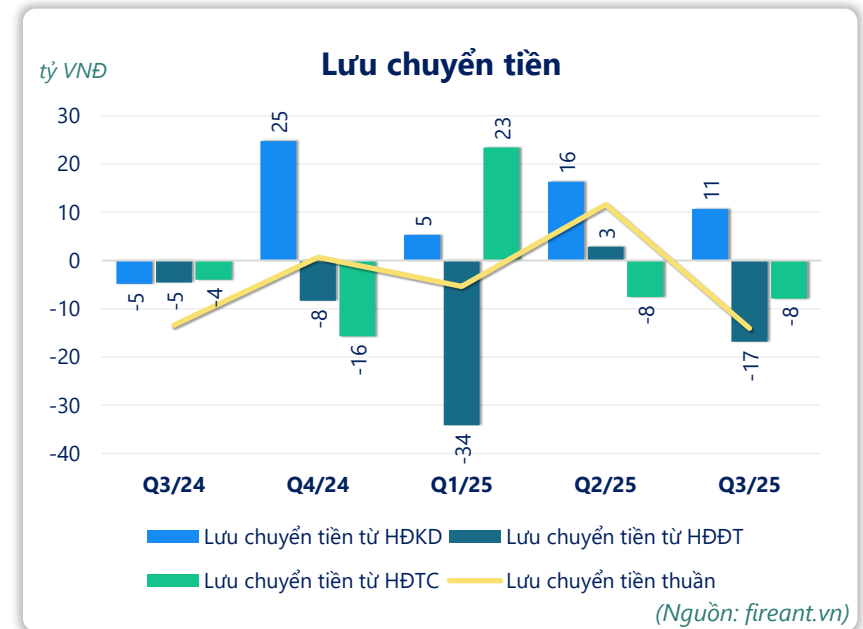
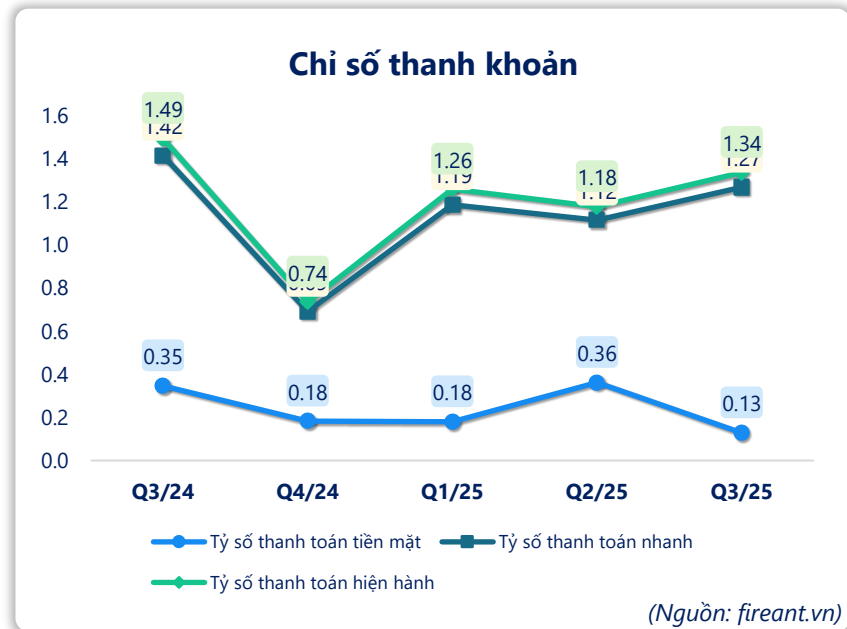
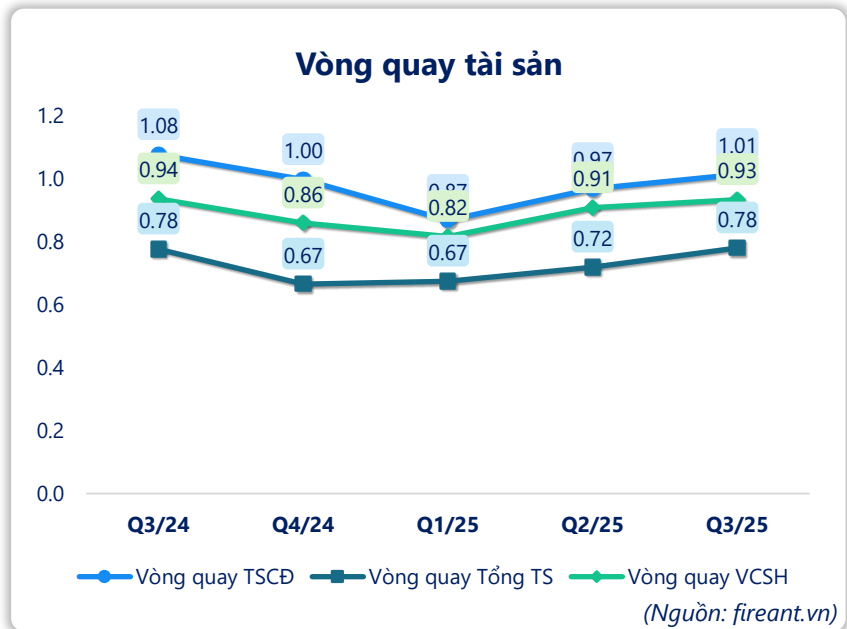
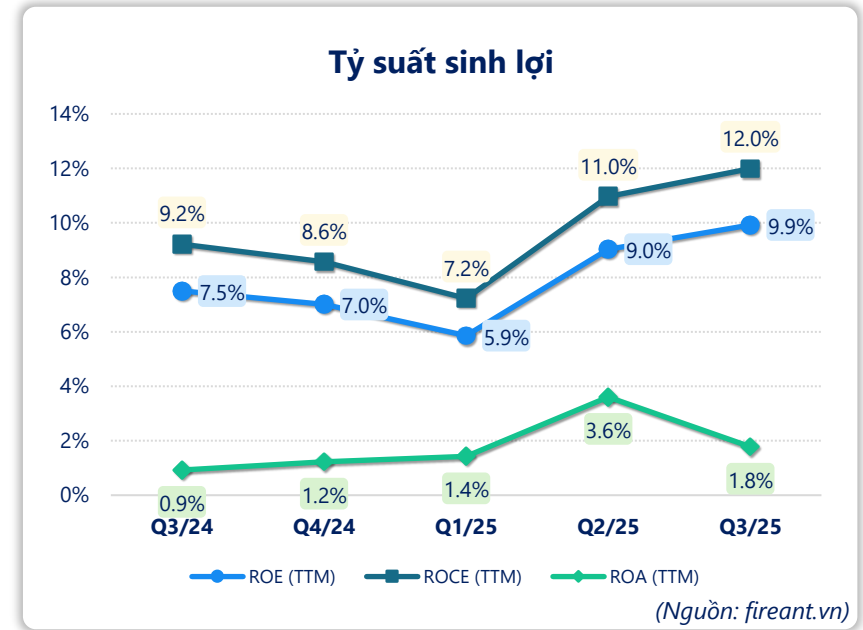
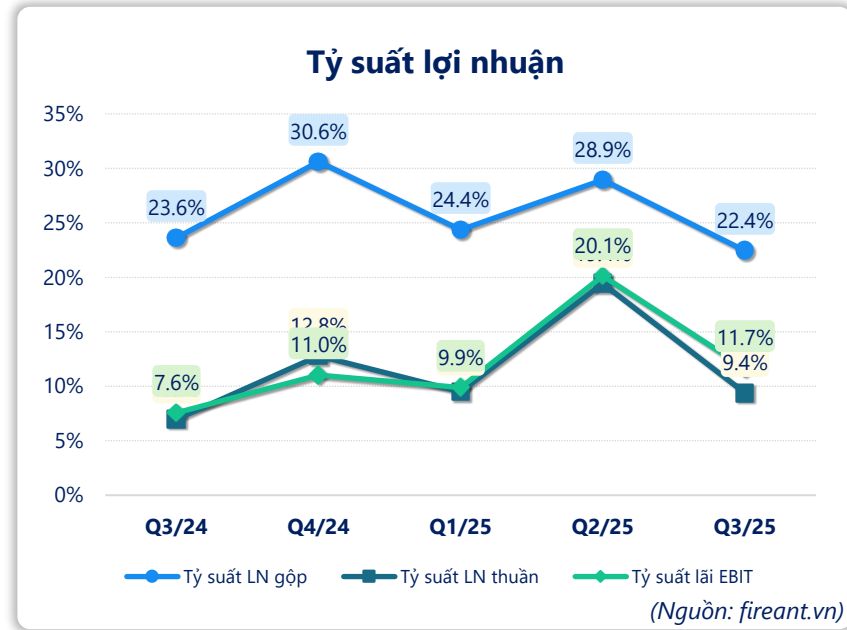
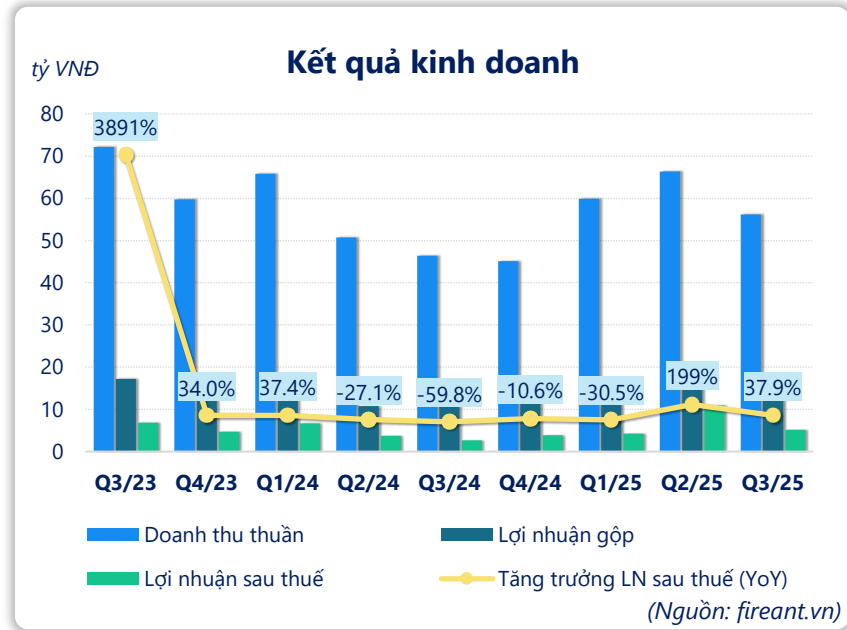


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,146
SL cổ phiếu LH		21,517,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,400
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		267
P/E		11.0
EPS		1,124

	YTD	1T	3T	6T
NAP	43.0%	0.0%	22.8%	25.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	304	315	-3.4%
Tài sản ngắn hạn	48.0	49.6	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	4.61	12.4	-62.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.08	4.00	2.1%
Phải thu ngắn hạn	36.2	27.1	33.7%
Hàng tồn kho	2.47	2.94	-16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.66	3.22	-79.6%
Tài sản dài hạn	256	265	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	238	214	11.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.38	32.5	-98.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.86	4.86	0.0%
Tài sản dài hạn khác	13.3	13.7	-3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	55.7	72.3	-23.0%
Nợ ngắn hạn	35.9	67.6	-46.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.32	1.72	268%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.86	38.4	-92.5%
Nợ dài hạn	19.8	4.70	321%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.8	4.70	321%
Nguồn vốn chủ sở hữu	249	243	2.4%
Vốn chủ sở hữu	249	243	2.4%
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	46.4	45.1	59.9	66.4	56.2
Giá vốn hàng bán	35.4	31.3	45.3	47.2	43.6
Lợi nhuận gộp	11.0	13.8	14.6	19.2	12.6
Doanh thu HĐTC	0.07	0.47	0.07	3.21	1.95
Chi phí TC	0.35	0.15	0.51	0.46	0.42
Chi phí lãi vay	0.15	0.13	0.45	0.46	0.42
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.43	8.37	8.45	9.08	8.86
LN thuần từ HĐKD	3.23	5.77	5.69	12.9	5.27
Lợi nhuận khác	0.12	-0.92	-0.23	0.01	0.87
LN trước thuế	3.35	4.84	5.46	12.9	6.14
Lợi nhuận sau thuế	2.65	3.84	4.26	10.9	5.17
LNST của CĐ cty mẹ	2.65	3.84	4.26	10.9	5.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.84	24.8	5.34	16.3	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.60	-8.34	-34.1	2.85	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.94	-15.7	23.4	-7.55	-7.88
Tiền đầu kỳ	25.1	11.7	12.4	7.04	18.6
Lưu chuyển tiền thuần	-13.4	0.69	-5.38	11.6	-14.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	11.7	2,861	7.04	18.6	4.61

(Nguồn: fireant.vn)